|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn10/11/2024 | Ngày dạy | Ngày  | 18/11 | 19/11 | 20/11 | 21/11 | 23/11 |
| TT tiết TKB |  |  |  |  |  |  |  |  | 4 | 1 | 5 | 2 | 3 | 1 | 4 | 2 | 4 | 5 |  | 1 | 2 | 4 | 1 | 3 |  |
| Lớp |  |  |  |  |  |  |  |  | 6D | 6E | 6A | 6B | 6C | 6D | 6E | 6A | 6B | 6C |  | 6E | 6A | 6B | 6C | 6D |  |

**Tuần 11,12 - Tiết : 42,43,44,45,46**

# CHỦ ĐỀ 7. TẾ BÀO

## BÀI 12. TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG

Thời gian 5 tiết ( Tiết 42,43,44,45,46)

**I.** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Sau khi học xong bài này HS

- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào.

- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.

- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần (ba thành phân chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào); nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.

- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.

- Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân, thông qua quan sát hình ảnh.

- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung:** Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**- Năng lực KHTN:** Hình thành, phát triển biểu hiện của các năng lực:

+ Nhận biết và nêu được tên các sự vật, hiện tượng, khái niệm, quy luật, quá trình tự nhiên.

+ So sánh, phân loại, lựa chọn được các sự vật, hiện tượng, quá trình tự nhiên theo các tiêu chí khác nhau.

+ Đưa ra phán đoán và xây dựng giả thuyết.

+ Viết, trình bày báo cáo và thảo luận.

**3. Phẩm chất:** Hình thành và phát triển phẩm chất chăm chỉ, trung thực.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1 - GV:** hình ảnh liên quan đến bài học, thẻ từ (màng tế bào, tế bào chất, nhân tế bào, thành tế bào, không bào trung tâm và lục lạp), giấy A4, A2 và A3, băng dính hai mặt, bút vẽ.

**2 - HS** : Đồ dùng học tập, vở chép, sgk, dụng cụ GV phân công.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:** Khai thác vốn sống của HS để hình thành khái niệm tế bào.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
|  - GV cho HS quan sát hình 12.1 trong SGK và yêu cầu HS cho biết ngôi nhà đang được tạo nên từ đơn vị cấu trúc là gì?*-* GV giải thích cho HS hiểu được rằng viên gạch được coi là đơn vị cấu trúc nhỏ nhất tạo nên ngôi nhà. Vậy đơn vị cấu trúc nhỏ nhất hình thành nên cây xanh và cơ thể là gì?- HS tiếp nhận nhiệm vụ, đưa ra câu trả lời- GV chuẩn bị một số bộ ghép hình của các ngôi nhà.- GV chia lớp thành các nhóm, phát cho mỗi nhóm một bộ đồ ghép hình và yêu cầu ghép thành ngôi nhà theo sự sáng tạo của các em. GV yêu cầu các nhóm lần lượt trưng bày và giới thiệu về ngôi nhà của nhóm mình. *GV yêu cầu một số HS nhận xét những điểm giống và khác nhau giữa các sản phẩm của các nhóm? Qua các sản phẩm này các em có thể có kết luận gì về những viên gạch hay nói xa hơn là các tế bào trong cơ thể sinh vật?*- GV đặt vấn đề: *Mỗi nhóm cho một sản phẩm là một ngôi nhà rất khác nhau nhưng tất cả các ngôi nhà này đều có đặc điểm chung là gì? Đó chính là tất cả các ngôi nhà từ nhà cấp 4 đến các nhà cao tầng, các toà chung cư đều được xây nên từ những viên gạch. Sinh vật trên Trái Đất cũng vậy, từ những sinh vật rất nhỏ không nhìn thấy bằng mắt thường cho đến các sinh vậy khổng lồ nặng hàng trăm tấn, đều được cấu tạo từ một đơn vị cấu trúc, các bạn biết đó là gì không? Chúng ta cùng tìm hiểu bài mới:* ***Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống.***-Hs tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi sau 2 phút suy nghĩ.-Đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới |  | CHỦ ĐỀ 7. TẾ BÀOBÀI 12. TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG |

**B. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu tế bào là gì?**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được khái niệm tế bào.

- Hiểu được tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn, đưa ra câu hỏi, yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV giới thiệu qua về lịch sử tìm ra tế bào do Robert Hooke (1665) lần đầu tiên quan 1 sát các tế bào chết từ vỏ cây sồi dưới kính hiển vi. - GV chiếu trên slide các hình: Tế bào vi khuẩn, tế bào nấm men, hình cây cà chua và một số tế bào của cây cà chua, hình cơ thể người và một số tế bảo điển hình ở cơ thể người.- GV yêu cầu HS các nhóm đọc, chỉ các tế bào và nhận xét theo câu hỏi gợi ý sau: *Các sinh vật được tạo nên từ gì? Có phải số lượng tế bào trong các cơ thể vi khuẩn, nấm men, thực vật và động vật là giống nhau?*- GV yêu cầu HS: *kể tên một số tế bào trong cơ thể cây xanh và cơ thể người.*- GV đặt câu hỏi*: “Vậy tế bào là gì? Tế bào có chức năng như thế nào đối với cơ thể sống?**HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS nghe GV hướng dẫn, quan sát hình ảnh, đọc thông tin sgk, trả lời các câu hỏi của GV.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi đại diện HS đứng dậy trả lời câu hỏi.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.*HSKT hòa nhập:* |  | **I. Tế bào là gì?**- Các sinh vật được tạo nên từ tế bào.- Không phải số lượng tế bào trong các cơ thể vi khuẩn, nấm men, thực vật và động vật là giống nhau.*=> Tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.*+ Một số tế bào trong cơ thể cây xanh: tế bào thịt lá, tế bào thịt quả, tế bào ống dẫn, tế bào lông hút…+ Một số tế bào trong cơ thển người: Tế bào hồng cầu, tế bào mô ruột, tế bào thần kinh, tế bào gan, tế bào cơ… |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu hình dạng và kích thước của một số loại tế bào**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được hình dạng, kích thước của một số loại tế bào.

- Biết cách tra cứu, tìm hiểu về hình dạng, kích thước của tế bào ở động vật.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS đọc thông tin, đặt câu hỏi cho HS trả lời

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chiếu slide về các hình ảnh tế bào vi khuẩn E. coli, tế bào nấm tế bào vảy hành, tế bào hồng cầu, tế bào xương, tế bào thần kinh.- GV chia nhóm HS, yêu cầu từng nhóm nhận xét về hình dạng, kích thước của các tế bào.*HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS đọc thông tin, quan sát hình ảnh12.6/67 hoàn thành bảng 12.1và trả lời câu hỏi.- Các nhóm bổ sung thêm các hình dạng, kích thước của tế bào ngoài SGK.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện nhóm lên trình bày về hình dạng, kích thước của tế bào.Bảng 12.1 SGK tr79- hình dạng kích thước một số tế bào

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tế bào** | **Hình dạng** | **Kích thước** |
| Vi khuẩn E.coli | Hình que | 2µm x1µm |
| Nấm men | Hình cầu, hơi oval | 5µm x6µm |
| Biểu bì vảy hành | Hình lục giác | 200µm x70µm |
| Hồng cầu | Hình đĩa lõm hai mặt | 7µm |
| Xương người | Hình sao | 5µm x20µm |
| Thần kinh người | Hình sao có sợi kéo dài | 10µm x30µm |
| Tép bưởi | Hình giọt nước kéo dài | 45mm x 5,5mm |

- Nhận xét: Tế bào có nhiều hình dạng kích thước khác nhau để thực hiện các chức năng khác nhau.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá nhóm có báo cáo tốt nhất, khuyến khích HS tìm thêm được nhiều hình dạng, kích thước của tế bào vật và động vật.- GV rút ra kết luận, chuyển sang nội dung mới.*HSKT hòa nhập:* | HS nhận biết kích thước của TB trong cơ thể. | **II. Hình dạng và kích thước của một số loại tế bào**+ Có nhiều loại tế bào, chúng có hình dạng khác nhau: hình cầu ở tế bào trứng và chua; hình lõm hai mặt ở tế bào hồng cầu; hình sao ở tế bào thần kinh….+ Kích thước của tế bào ở mỗi sinh vật là khác nhau. Ví dụ: vi khuẩn là những sinh vật đơn kích thước nhỏ nhất, phần lòng đỏ của trứng chim đà điều được cho là tế bào lớn nhất...+ Hình dạng, kích thước của các loại tế bào thực vật và động vật thường rất nhỏ thường không nhìn thấy được. Nhưng cũng có một số tế bào khá lớn như tế bào thịt cà chua, tế bào sợi gai, tế bào trứng gà.. mắt ta có thể nhìn thấy được.Kết luận: Tế bào có nhiều hình dạng kích thước khác nhau để thực hiện các chức năng khác nhau. |

**Hoạt động 2.3a: Tìm hiểu cấu tạo tế bào động vật và tế bào thực vật**

**a) Mục tiêu:**

- Trình bày được thành phần cấu tạo chính của tế bào và chức năng của chúng.

- Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật.

- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.

- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, quan sát và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin và nghiên cứu hình 12.7/70 trong SGK.- GV treo tranh hình 12.7 hoặc chiếu slide hình cấu tạo tế bào động vật vật. Giải thích một số thành phần cấu tạo chính của tế bào và chức năng của chúng.- GV chia lớp thành các nhóm, tổ chức cuộc thi ghép thẻ từ. GV phát sơ đồ tế bào động vật và thực vật, các thẻ từ thành phần tế bào. Từng nhóm thi ghép các thẻ từ vào đúng vị trí.*HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS vừa lắng nghe, vừa quan sát và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV để thực hiện, rút ra câu trả lời.- GV quan sát nhắc nhở HS trong quá trình thực hiện. * Tìm thông tin trả lời câu hỏi:

-TBTV có gì khác TBĐV?- Hãy kể tên các sản phẩm trong cuộc sống làm từ cellulose của thành tế bào thực vật?- Cấu trúc nào của tế bào thực vật giúp cây cứng cáp dù không có hệ xương nâng đỡ như ở động vật?- Những điểm khác nhau giữa tế bào động vật và tế bào thực vật có liên quan gì đến hình thức sống khác nhau của chúng?- Tại sao lục lạp thực hiện được chức năng quang hợp? Có liên quan gì với màu xanh trên lục địa trái đất?*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày, báo cáo kết quả của nhóm mình.- GV mời 1 – 3 HS chốt lại: thành phần cấu tạo của tế bào -HS hoàn thành Bảng so sánh tế bào động vật và thực vật-HS Giải thích cho một số câu hỏi khắc sâu về sự khác nhau giữa TBTV và TBĐV+ Sản phẩm từ cellulose: bàn ghế, cột đình chùa, mái nhà cổ,vở, quần áo cotton….+ Cấu trúc giúp cây cứng cáp là: Vách tế bào+ Lục lạp mang sắc tố quang hợp nên có thể thực hiện được chức năng quang hợp, bởi vậy tạo được chất hữu cơ nuôi cơ thể lớn lên mà không cần di chuyển tìm kiếm thức ăn như động vật.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV cử đại diện các nhóm nhận xét, đánh giá kết quả của nhóm bạn và tìm ra nhóm thắng cuộc, tuyên dương các nhóm, HS tích cực và thực hiện tốt các nhiệm vụ.- GV khuyến khích HS đọc mục Em có biết và Tìm hiểu thêm để hiểu sâu hơn những kiến thức đã học.*HSKT hòa nhập:* | HS nhận biết sinh vật có cấu tạo đơn giản của TB | **III. Cấu tạo của tế bào động vật và tế bào thực vật**- Cấu tạo tế bào động vật và thực vật rất phức tạp. -Trong đó, có các thành phần chính: màng tế bào, tế bào chất, nhân, thành tế bào, không bào trung tâm và lục lạp.Bảng so sánh tế bào động vật và thực vật

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tế bào động vật** | **Tế bào thực vật** |
| **Giống nhau** | Đều có **3**thành phần+ **Màng**: kiểm soát sự di chuyển các chất ra vào tế bào.+ **Chất tế bào**: chứa nhiều bào quan, là nơi diễn ra hoạt động sống của TB.+ **Nhân**: có màng nhân (hoàn chỉnh) bao bọc bảo vệ vật chất di truyền. |
| **Khác nhau** | **Không có** thành tế bào | **Có** thành tế bào 🡪tế bào có hình dạng xác định |
| Chất tế bào + **không có** lục lạp + Không bào **nhỏ** | Chất tế bào + **Có** lục lạp 🡪 khả năng quang hợp của TBTV+ Không bào **lớn hơn nhiều.** |

 |

**Hoạt động 2.3b: Nhận biết lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh**

1. **Mục tiêu:** Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh
2. **\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, quan sát và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV treo hình tế bào thực vật hoặc chiếu slide hình chiếc lá và thành phần lục lạp của lá cây.- GV đặt câu hỏi: *Các em có biết tại sao hầu hết lá cây lại có màu xanh? Nhờ yếu tố nào mà lục lạp có thể thực hiện được chức năng quang hợp?**HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS vừa lắng nghe, suy nghĩ, đưa racâu trả lời.- GV quan sát nhắc nhở HS trong quá trình thực hiện.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- HS trình bày câu trả lời của mình*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV đánh giá, nhận xét, chốt kiến thức, chuyển sang nội dung mới.*HSKT hòa nhập:* |  | **\* Nhận biết lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh**- Lục lạp mang sắc tố quang hợp có màu xanh lục, gọi là diệp lục. - Diệp lục hấp thu năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp nên chất hữu cơ. |

**Hoạt động 2.5: Tìm hiểu cấu tạo của tế bào nhân sơ và nhân thực**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được cấu tạo của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

- Phân biệt được tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, quan sát và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** |  | **NỘI DUNG** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV cho HS đọc thông tin trong SGK và quan sát các hình ảnh 12.8, 129 SGK để trao đổi nhóm và trả lời câu hỏi:*+ Thế nào là tế bào nhân sơ, tế bào nhân thực?**+ Nêu cấu tạo của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực?**+ Hãy so sánh tế bào nhân sơ với tế bào nhân thực?**HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS hình thành nhóm, lập bảng so sánh tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.- GV quan sát, hỗ trợ HS khi cần.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- Đại diện một số nhóm đứng dậy trình bày kết quả thảo luận.- HS nhóm khác nhận xét, đóng góp ý kiến.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV đánh giá, nhận xét, kẻ bảng so sánh lên bảng để HS ghi chép vào vở.*HSKT hòa nhập:* |  | **IV. Cấu tạo của tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   | **Tế bào nhân sơ**(Tế bào vi khuẩn) | **Tế bào nhân thực**(Tế bào động vật, thực vật) |
| **Giống** | Đều có màng tế bào và tế bào chất và nhân (hoặc vùng nhân) |
| **Khác nhau** | Tế bào chất | Không có các bào quan có màng | Có các bào quan có màng |
| Nhân  | Chưa hoàn chỉnh: chỉ có vùng nhân, không có màng bao bọc | Hoàn chỉnh: có màng nhân bao bọc  |
| Kích thước | Nhỏ | Lớn hơn (gấp khoảng 10 lần) |
| Ví dụ | Các sinh vật đơn bào, như các loại vi khuẩn. | các sinh vật đa bào như động vật, thực vật, nấm… |

 |

**Hoạt động 2.6: Tìm hiểu sự lớn lên và sinh sản của tế bào**

**a) Mục tiêu:**

- Nêu được sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

- Hiểu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin, quan sát và trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn các nhóm HS quan sát hình 12.10 và 12.11 SGK và trả lời các câu hỏi: *+ Số lượng tế bào tăng lên như thế nào sau mỗi lần sinh sản?* *+ Dựa vào hình 12.11 SGK, hãy tính số lượng tế bào con mới được tạo ra sau mỗi lần sinh sản: lần 4, 5,...*- GV phân tích hình 12.10 và hình 12.11 SGK để minh hoạ cho sự lớn lên và sinh sản liên tiếp của tế bào.- GV liên hệ một ví dụ về tác dụng của sự sinh sản tế bào trong việc làm lành vết thương: Các tế bào da và tế bào máu là một trong số các tế bào làm tăng số lượng tế bào để hàn gắn các vết thương.*HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS lắng nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và trả lời.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi đại diện của các nhóm HS lên trình bày lại quá trình lớn lên và sinh sản của tế bào. - GV mời đại diện của các nhóm HS nhận xét sự thay đổi của các sinh vật trong hình 12.12 SGK và lấy thêm ví dụ minh hoạ cho hiện tượng này.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, mở rộng thông tin cho HS: *Tế bào trong cơ thể chúng ta không sống mãi. Tế bào da có thể sống trong 10 – 30 ngày, tế bào niêm mạc má cứ khoảng 5 ngày lại sinh sản một lần vì nó cần thay thế các tế bào tổn thương khi chúng ta ăn uống. Hay tế bào hồng cầu không có nhẫn, đời sống trung bình của tế bào hồng cầu chi khoảng 4 tháng và cứ mỗi giây lại có khoảng 2 triệu tế bào hồng cầu bị chết đi trong cơ thể chúng ta. Tuy nhiên, mỗi ngày cơ thể chúng ta tạo ra đủ 2 triệu tế bào để thay thế những tế bào đã chết bằng cách sinh sản tế bào.**HSKT hòa nhập:* |  | **V. Sự lớn lên và sinh sản của tế bào**1. **Sự lớn lên**-Nhờ trao đổi chất (lấy vào chất cần thiết, loại bỏ chất không cần thiết) mà TB lớn lên.2. **Sinh sản**+Quá trình phân chia:- Quá trình phân chia của TB gồm hai giai đoạn+ Phân chia **nhân**: Nhân của TB nhân đôi và đi về hai cực TB+ Phân chia **TB chất**: TB chất chia đều cho hai TB con bằng cách hình thành vách ngăn ngang (ở TB thực vật) hoặc thắt lại (ở TB động vật)- Kết quả: Từ 1 TB trưởng thành sau khi phân chia hình thành **2** TB con.( Sự phân bào)+Ý nghĩa:- Sự lớn lên và phân chia của tế bào giúp cơ thể lớn lên và thay thế các tế bào già và tế bào bị tổn thương hay chết. |

**Hoạt động 2.7a: Hướng dẫn HS làm tiêu bản quan sát và phân tích mẫu vật**

**a. Mục tiêu:**HS tìm hiểu về sự lớn lên của tế bào

**b. Nội dung:** HS đọc và quan sát hình ảnh để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**+ GV chia lớp thành các nhóm nhỏ, số lượng HS/ nhóm phụ thuộc vào số lượng dụng cụ, thiết bị và mẫu vật GV chuẩn bị được + GV đưa ra nhiệm vụ cụ thể cho từng nội dung thực hành như: thời gian, yêu cầu cần đạt được. GV có thể khuyến khích các nhóm bằng điểm thưởng đối với nhóm làm nhanh có tiêu bản đẹp.+ GV tổ chức để HS lần lượt tiến hành các nội dung thực hành ( quan sát ngay sau khi làm tiêu bản). GV có thể làm mẫu một số thao tác khó và giải đáp các thắc mắc của HS ( nếu có)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nội dung thực hành | Thời gian đề xuất | Yêu cầu cần đạt được |
| Quan sát tế bào trứng cá | 5-7 phút | -Quan sát được hình dạng từng tế bé trứng cá bằng mắt thường hoặc kính lúp -Xác định được thành phần quan sát được là cấu trúc nào của tế bào |
| Làm tiêu bản, quan sát tế bào biểu bì hành tây | 10-15phút | -- Lớp biểu bì được lột . |

+ GV quan sát và hỗ trợ HS, đồng thời nhắc nhở HS đảm bảo về mặt thời gian để hoànthành toàn bộ nội dung bài thực hành.+ GV có thể cũng cố kiến thức về thành phần tế bào đựa trên việc trình chiếu và phântích ảnh chụp một tiêu bản quan sát bằng kính hiển vi của một nhóm HS hoặc tiêu bảnchuẩn do GV chuẩn bị trước.+ GV cần lưu ý HS cần thận khi sử dụng các dụng cụ như dao mổ, kim mũi mắc.+ GV nên hướng dẫn kĩ và làm mẫu một số thao tác như: dùng kim mũi mác lột biểu bì hành tây.+ GV cũng nên chuẩn bị sẵn tiêu bản tế bào biểu bì hành tây và hình ảnh của các tiêu bản khi quan sát bằng kinh hiển vị để hỗ trợ phần củng cố kiến thức và làm mẫu cho nhóm làm tiêu bản chưa đẹp.+ Trong quá trình HS thực hành, GV cần bao quát lớp để hỏ trợ các nhóm hoàn thành nội dung bài học, đồng thời đánh giá được kĩ năng và thái độ của HS.+ GV nên sử dụng điểm thực hành như phần điểm thưởng để khuyến khích HS.+ GV nên hướng dẫn kĩ và làm mẫu một số thao tác như: dùng kim mũi mác lột biểu bìhành tây.+ GV cũng nên chuẩn bị sẵn tiêu bản tế bào biểu bì hành tây và hình ảnh của các tiêubản khi quan sát bằng kinh hiển vị để hỗ trợ phần củng cố kiến thức và làm mẫu cho nhómlàm tiêu bản chưa đẹp.+ Trong quá trình HS thực hành, GV cần bao quát lớp để hỏ trợ các nhóm hoàn thànhnội dung bài học, đồng thời đánh giá được kĩ năng và thái độ của HS.*HSKT hòa nhập:* **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** **+** Ở từng nội dung, các nhóm có thể trao đổi hình ảnh tiêu bản, nhận xét kết quả làmtiêu bản của nhau và rút ra các kinh nghiệm cụ thể để có tiêu bản đẹp.*HSKT hòa nhập:***- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Sau khi trao đổi, các nhóm tổng hợp lại kiến thức và báo cáo*HSKT hòa nhập:***- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV lưu ý cho HS cẩn thận khi sử dụng dụng cụ như dao mổ, kim mũi mácGV nên sử dụng điểm thực hành như phần điểm thưởng để khuyến khích HS.*HSKT hòa nhập:* |  | **I. Chuẩn bị** **1. Thiết bị, dụng cụ**Kính hiển vi có vật chất 40x và kính lúp Nước cất đựng trong cốc thủy tinhĐĩa petriCác dụng cụ trong hình /74**2. Mẫu vật**- Củ hành tây- Trứng cá**II. Cách tiến hành****1. Làm tiêu bàn, quan sát và vẽ tế bào biểu bì hành tây**+ Bước 1: Dùng dao mỏ tách lầy một vảy hành, sau đỏ tạo một vết cát hinh vưông nhỏ kíchthước 7—8 mm ở mặt trong của vảy hành. Sử dụng panh/kim mũi mác lột nhẹ lớp tế bảotrên cùng của vết cắt (lớp tế bào biểu bi).+ Bước 2: Đặt lớp tế bào này lên lam kinhđã nhỏ sẵn một giọt nước cất rồi đậylamen lại bằng cách trượt lamen từ mộtcạnh. Sử dụng giấy thắm để thắm phânnước thừa.+ Bước 3: Đặt lam kinh lên bản kinh củakinh hiển vi và quan sát ở vật kính 10xrồi chuyển sang vật kinh 40x.(Quan sát tiêu bán bằng kinh hiển vị theocác bước đã học ở bài 4 — chương l).**2. Quan sát và vẽ tế bào trứng cá**+ Bước 1. Dùng thìa lầy một it trửng cá cho vào đĩa petri.+ Bước 2. Nhỏ một ít nước vào đĩa.+ Bước 3. Dùng kim mũi mác khoáng nhẹ để trứng cá tách rời nhau.+ Bước 4. Quan sát tế bảo trứng cá bảng mắt thường hoặc bằng kính lúp.+ Bước 5. Vẽ hinh tế bào em quan sát được. |

**Hoạt động 2.7b: Hướng dẫn học sinh hoàn thành bài thu hoạch**

**a. Mục tiêu:**HS hoàn thành bài thu hoạch

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b. Nội dung:** HS báo cáo lại kết quả bài thu hoạch

**c. Sản phẩm:**

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV yêu cầu HS hoàn thiện bài thu hoạch bằng cách trả lời 3 câu hỏi trong sgk trang 74*HSKT hòa nhập:***- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS đọc nhiệm vụ và hoàn thiện bài thu hoạch*HSKT hòa nhập:***- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV yêu cầu HS thu lại bài thu hoạch*HSKT hòa nhập:***- Bước 4: Kết luận, nhận định:** Xem và đánh giá bài thu hoạch HS*HSKT hòa nhập:* |  | **III. Thu hoạch**1. GV yêu cầu HS quan sát và vẽ hình: HS vẽ hình tế bào biểu bì hành tây, tế bào trứng cá. Hình vẽ có chú thích cụ thể thành phần quan sát đượcBảng mô tả hình dạng và các thành phần tế bào quan sát được. HS có thể có đáp án khác phụ thuộc vào kết quả quan sát thực tế.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tế bào hành tây** | **Tế bào trứng cá** |
| Thành phần quan sát được | Thành tế bào nhân tế bào | Màng tế bào, tế bào chất |
| Thành phần không quan sát được | Màng tế bào, các bào quan | Nhân, các bào quan |
| Hình vẽ |  |  |

3. a. HS dựa vào kết quả quan sát thực tế để trả lời câu hỏib. Đặc điểm để phân biệt tế bào hành tây và tế bào trứng cá là: kích thước, sự có mặt của thành tế bào |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Ôn luyện kiến thức đã học

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi, HS trả lời

**c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV hướng dẫn, gợi ý HS sơ đồ hoá các kiến thức đã học theo sự sáng tạo của HS.- GV đặt một số câu hỏi để HS củng cố lại kiến thức:***Câu 1****. Tế bào là gì, chức năng của tế bào đối với cơ thể sinh vật? Vì sao nói tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống?****Câu 2****. Hãy nêu thành phần chính của tế bào động vật và chức năng của từng thành phần.* ***Câu 3.*** *Hãy nêu thành phần chính của tế bào thực vật và chức năng của từng thành phần.* ***Câu 4.*** *Hãy so sánh cấu tạo của tế bào động vật và tế bào thực vật.* ***Câu 5****. Điểm khác nhau cơ bản giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là gì?* *HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**- HS tiếp nhận nhiệm vụ, lần lượt thực hiện vẽ sơ đồ hóa kiến thức và trả lời các câu hỏi.*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**-hs trả lời- GV gọi HS đánh giá kết quả thảo luận của các bạn.*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức cần ghi nhớ.*HSKT hòa nhập:* |  |  |

**D. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức sự phân chia của tế bào

**\*) Mục tiêu trẻ khuyết tật:**

**b) Nội dung:** GV đưa ra câu hỏi, HS suy nghĩ , trả lời.

**c) Sản phẩm:** Kết quả trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và Học sinh** | **Dự kiến sản phẩm cho HS Khuyệt tật hòa nhập** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**- GV yêu cầu HS: *So sánh chiều cao của mình lúc là HS lớp 1 và hiện tại là HS lớp 6. Từ đó, em hãy giải thích vì sao cơ thể lớn lên được?*-GV yêu cầu Hs trả lời câu hỏi *HSKT hòa nhập:***Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**-HS suy nghĩ, xung phong trả lời câu hỏi-GV quan sát và hỗ trợ HS (khi cần).*HSKT hòa nhập:***Bước 3: Báo cáo, thảo luận**- GV gọi cá nhân HS trả lời*HSKT hòa nhập:***Bước 4: Kết luận, nhận định**-GV nhận xét, đánh quá quá trình học tập của Hs*HSKT hòa nhập:* |  |  |

**Bài tập về nhà: Hoàn thành vở bài tập và bài tập cuối bài.**